

Bản án số: 79/2023/HS-ST
Ngày 18-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hà

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại D Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H (tên gọi khác: T), sinh ngày 02 tháng 9 năm 1986, tại Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/12/51 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Thôn 6 D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú B và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Trần Cao P và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 tiền án đã được xóa tại bản án số 171/2009/HSST ngày 17/9/2009 của Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Thị H 54 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” và 01 tiền sự đã được xóa tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 253.QĐ/XPVPHC ngày 19/10/2006 của Công an tỉnh Thái Bình phạt tiền Nguyễn Thị H 300.000 đồng về hành vi đánh nhau; tạm giữ ngày 23/3/2023, tạm giam ngày 31/3/2023; có mặt.

2. Đỗ Minh T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1984, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 14 Khu dân cư Q, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu T và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là

Đặng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 23/3/2023, tạm giam ngày 31/3/2023; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Tô Văn D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền ăn tiêu nên ngày 03/3/2023, Nguyễn Thị H và Đỗ Minh T bàn nhau: H sẽ mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52 của anh Tô Văn D, sau đó lấy lý do cho người khác mượn xe và bị đem đi cầm cố để lừa lấy tiền của anh D. Đến ngày 05/3/2023, khi anh D gọi điện đòi xe, H không trả mà nói xe cho bạn mượn và đã bị mang đi cầm cố. Thực tế H vẫn đang sử dụng chiếc xe trên. H nói dối có bạn tên Đỗ Minh T là công an, cho số điện thoại bảo anh D liên hệ nhờ tìm giúp. Anh D gọi điện thoại cho T, T nói có thể giúp nhưng anh D phải chuyển tiền cho H qua số tài khoản 19038718821019 mở tại ngân hàng Techcombank mang tên VU TRONG THUY số tiền 1.500.000 đồng. Tài khoản này do H nhờ anh Vũ Trọng Thủy, sinh năm 1984, trú tại số 41/99 phường Đ, quận N, Hải Phòng đứng tên mở hộ, H là người trực tiếp quản lý, sử dụng thẻ ngân hàng cũng như số tài khoản. Anh D đã chuyển khoản 1.500.000 đồng vào số tài khoản trên. Ngày 07/3/2023, T hẹn gặp anh D tại quán nước gần khu vực cây xăng thôn D, xã T, huyện An Dương, Hải Phòng. Tại đây, T nói cần thêm tiền để đi tìm xe, anh D đưa trước cho T 1.000.000 đồng. T nhận tiền và bảo với anh D cứ khi nào có tiền thì chuyển khoản vào số tài khoản H đã cung cấp. Cũng trong ngày 07/3/2023, anh D đã 04 lần chuyển tiền vào số tài khoản trên với tổng số tiền 2.200.000 đồng (lần thứ nhất chuyển khoản 500.000 đồng, lần thứ hai chuyển khoản 200.000 đồng, lần thứ ba chuyển khoản 1.000.000 đồng, lần thứ tư chuyển khoản 500.000 đồng). Ngày 08/3/2023, khi gặp T ở phòng trọ của H, anh D đưa thêm cho T 1.000.000 đồng. Ngày 09/3/2023, H gọi điện cho anh D yêu cầu chuyển thêm tiền để nhờ thêm người tìm xe, anh D đã chuyển 2.000.000 đồng. Ngày 10/3/2023, anh D gọi điện hỏi đã tìm được xe chưa thì H nói chưa tìm được và yêu cầu anh D chuyển cho H 1.000.000 đồng. Cùng ngày, H đã nhờ một người bạn tên T (chưa xác định được lai lịch) mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52 đi cầm cố tại cửa hàng của bà Vũ Thị Vi, sinh năm 1972, trú tại số 19/109 Q, phường L, quận K, Hải Phòng được 4.000.000 đồng. Ngày 13/3/2023, H gọi điện cho anh D nói phải trả tiền nhà nghỉ vì trên đường đi tìm xe gặp trời mưa, anh D đã chuyển vào tài khoản cho H 500.000 đồng. Ngày 14/3/2023, H tiếp tục gọi điện cho D nói vì đi tìm xe bị Công an giao thông bắt xử phạt mất 1.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền, anh D đã chuyển khoản số tiền này cho H. Ngày 15/3/2023, anh D đến phòng trọ của H thì gặp T, T nói cần thêm tiền để nhờ người tìm xe giúp nên anh D đã đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 16/3/2023, H gọi điện cho anh D nói đã tìm được xe ở huyện Cát Hải, cần số tiền 1.300.000 đồng để cảm ơn, anh D đồng ý và chuyển khoản cho H. Tuy nhiên đến ngày 19/3/2023, anh D không thấy H trả xe nên đã làm đơn trình báo đến Công an huyện An Dương.

Ngày 23/3/2023, Nguyễn Thị H và Đỗ Minh T bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã thu giữ của Đỗ Minh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu cam; thu giữ của Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh và 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên VU TRONG THUY, mã số thẻ 9704079967615182; thu giữ của anh Tô Văn D: 01 xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Tô Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKSAD ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và Đỗ Minh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H và Đỗ Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Tô Văn D như nội dung nêu trên. Số tiền cầm xe và tiền anh D chuyển cho các bị cáo đều được các bị cáo dùng chi tiêu chung cho việc cá nhân. Các điện thoại thu giữ trong vụ án đều được các bị cáo dùng để liên lạc yêu cầu bị hại chuyển tiền. Số tiền 4.000.000đồng bị cáo H bỏ ra để chuộc xe trả cho anh D, nay bị cáo H không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho bị cáo. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu quan điểm: Phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Minh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu cam, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh; tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên VU TRONG THUY. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Đỗ Minh T phải liên đới bồi thường cho anh Tô Văn D số tiền 12.500.000đồng. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận định giá tài sản phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền để ăn tiêu nên bị cáo H và bị cáo T đã bàn bạc với nhau mượn xe của anh Tô Văn D với mục đích chiếm đoạt tài sản của anh D. Ngày 03/3/2023 H đã mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52 của anh Tô Văn D nhưng không trả xe mà nói dối xe cho bạn mượn và đã đem đi cầm cố nhưng thực tế xe vẫn do H sử dụng. Đồng thời H nói với anh D có bạn là Đỗ Minh T làm công an nhờ tìm xe hộ, khi anh D liên lạc nhờ tìm xe thì H và T yêu cầu anh D chuyển tiền để đi tìm xe. Trong thời gian từ ngày 05/3/2023 đến ngày 16/3/2023 H và T đã nhiều lần yêu cầu D chuyển tiền với tổng số tiền là 12.500.000đồng để tìm xe; ngày 10/3/2023 H đã cầm cố chiếc xe biển kiểm soát 15K1-188.52 được số tiền 4.000.000đồng cùng T tiêu sài cá nhân. Theo kết quả định giá tài sản, trị giá chiếc xe biển kiểm soát 15K1-188.52 là 9.500.000đồng. Các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền và tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52 của bị hại với tổng trị giá tài sản là 22.000.000đồng nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo H đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Trong thời gian từ ngày 05/3/2023 đến ngày 16/3/2023 các bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52 trị giá 9.500.000đồng và chiếm đoạt số tiền 12.500.000 đồng của bị hại. Số tiền và trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại ở các lần đều từ trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Vụ án có đồng phạm nên Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo, hình phạt áp dụng như sau: Bị cáo H và bị cáo T đều tích cực trong việc thực hiện tội phạm và cùng nhau sử dụng số tiền chiếm đoạt được nhưng bị cáo H là người đề xuất việc chiếm đoạt tài sản của bị hại, H cũng là người trực tiếp mượn xe và đem xe đi cầm cố nên đánh giá vai trò của bị cáo H cao hơn bị cáo T. Về nhân thân, bị cáo H đã có một tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo H cao hơn bị cáo T mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét tính chất, hành vi phạm tội và hoàn cảnh gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52 bị cáo H đã chuộc trả lại cho bị hại nên không xét. Đối với số tiền 12.500.000 đồng các bị cáo chiếm đoạt hiện chưa bồi thường, nay bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền này. Xét, yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 12.500.000 đồng. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bị cáo H đã chuộc lại xe, nay bị cáo H không yêu cầu T trả nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu cam và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart của bị cáo T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh của bị cáo H, xét các bị cáo đều sử dụng những điện thoại này vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; đối với 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên VU TRONG THUY là thẻ bị cáo H nhờ anh Vũ Trọng Thủy dùng căn cước công dân của anh Thủy mở thẻ và do H sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án này, anh Vũ Trọng Thủy giúp Nguyễn Thị H mở tài khoản ngân hàng nhưng sau đó đã đưa thẻ ngân hàng cho H sử dụng và không biết việc H lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Tô Văn D nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với đối tượng tên T được Nguyễn Thị H nhờ mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1-188.52, theo H khai nhận H không nói về nguồn gốc chiếc xe mô tô cho T biết, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của T nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H

(tên gọi khác: Trang) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Thị H tính từ ngày **tạm giữ, ngày** 23 tháng 3 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo Đỗ Minh T tính từ ngày **tạm giữ, ngày** 23 tháng 3 năm 2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Đỗ Minh T phải liên đới bồi thường cho anh Tô Văn D số tiền 12.500.000.000đồng (chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh D số tiền 6.250.000đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu cam, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart; tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên VU TRONG THUY, mã số thẻ 970407996761518201; (Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, **điểm a khoản 1 Điều** 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Nguyễn Thị H và Đỗ Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và mỗi bị cáo phải chịu 312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện An Dương;
- Trại Tạm giam Công an T.P Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng
- Phòng PV 06 và PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương